TÒA ÁN NHÂN DÂN TP NHA TRANG **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 183/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/12/2022
V/v *"Ly hôn giữa bà G và ông P"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Việt Cường**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lý**
Ông **Nguyễn Văn Bạn**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Vân –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha TrAg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Bích Hương –** Kiểm sát viên.

Ngày 07/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1165/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2022 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị TG** – sinh năm 1993
Trú tại: Số 128 thôn T, xã Đ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt tại phên tòa.
2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Trần TP** – sinh năm 1994
Trú tại: Tổ 19, thôn L, xã T, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt tại phên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022, bản tự khai ngày 24/11/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị TG trình bày*:* Bà và ông Nguyễn Trần TP tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Nha Trang vào năm 2016, có hai con chung là: Nguyễn XP, sinh ngày 12/07/2016 và Nguyễn Hoàng PA, sinh ngày 12/09/2019. Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn bất hòa, không có hạnh P, ông P đã bỏ về nhà cha mẹ ở tại xã T hơn một năm nay, không còn quan tâm đến vợ, con. Vì vậy, bà yêu cầu xin ly hôn với ông P để ổn định cuộc sống, xin trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi hai con chung. Vợ chồng không có tài sản chung.

- Theo bản tự khai ngày 24/11/2022 và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Trần TP trình bày*:* Ông và bà G có quan hệ hôn nhân và con chung đúng như bà G trình bày. Nay, bà G xin ly hôn thì ông đồng ý thuận tình ly hôn, vì vợ chồng không có hạnh P. Ông xin nuôi một trong hai con chung, xin cấp dưỡng nuôi con cho bà G

đối với cháu mà bà G trực tiếp nuôi dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nếu Tòa giao hai con chung cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng thì ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Vợ chồng không có tài sản chung.

**** Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà G và ông P.

- Về con chung: G hai có chung là cháu P, A cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P, A đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông P cấp dưỡng nuôi hai con chung cho bà G mỗi tháng 2.000.000 đồng, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi cháu P, A đủ 18 tuổi mặc dù bà G không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà G, ông P đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung.

- *Về án phí:* Bà G phải nộp tiền 300.000đ án phí hôn nhân gia đình, ông P phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị TG và ông Nguyễn Trần TP là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Nha Trang vào năm 2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 11/04/2016) là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và lời khai của hai bên tại phiên tòa, thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà G, ông P thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống không hòa hợp, không hạnh P, đã ly thân, lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đồng ý thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà G và ông P theo qui định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình 2015.

[2] Về con chung: Nguyễn XP, sinh ngày 12/07/2016 và Nguyễn Hoàng PA, sinh ngày 12/09/2019 còn nhỏ đang ở với bà G, có chỗ ở riêng, ăn học ổn định tại xã Đ, còn ông P đang ở với cha mẹ ruột tại xã T. Do đó, Bà G xin trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P và cháu A cho đến khi đủ 18 tuổi là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời bác yêu cầu của ông P về việc xin nuôi con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà G không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nhưng ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu P và cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi cháu P, A đủ 18 tuổi là hợp pháp theo qui định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông P.

[4] Về tài sản chung: Bà G, ông P đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung.

[5] Về án phí: Bà G phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình, ông P phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2015;
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phan Thị TG và ông Nguyễn Trần TP.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn XP, sinh ngày 12/07/2016 và Nguyễn Hoàng PA, sinh ngày 12/09/2019 cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông P như sau: Ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu P và A cho bà G mỗi tháng 2.000.000 đồng, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi cháu P, A đủ 18 tuổi.

Ông P có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà G, ông P có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà G, ông P đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung.

4. *Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:*

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của luật thi hành án dân sự.

5. Án phí: Bà Phan Thị TG phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0002637 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà G đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Trần TP phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Khánh Hòa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND Tp. Nha Trang;
- THADS Tp. Nha Trang;
- UBND xã Vĩnh Thái (ĐKKH 2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Hồ Việt Cường